

Bản án số: **109/2022/HS-ST**

Ngày: 16/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn thụ lý số: 116/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Thị Á**, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1978, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): Không; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn X và Con bà: Quàng Thị Kh; Chồng: Cà Văn Ph; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/12/2021 đến ngày 30/12/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị Á:** Bà **Bùi Thúy A** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (Có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Vì Thị H** - Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

2. Anh **Cà Văn Ph** - Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Bản T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Chị **Lò Thị Q** - Sinh năm: 2008; Địa chỉ: Bản T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

- *Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Lò Thị Q:* Chị **Lưu Thị Tuyết M**; Nghề nghiệp: Giáo viên; Nơi công tác: Trường THCS xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

2. Chị **Lò Thị H1** - Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Bản T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/12/2020 tại nhà ở của mình Bản T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên Lò Thị Á đã cho Vì Thị H, sinh năm 1989, trú tại bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vay số tiền 30.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày. Thực tế lãi suất Lò Thị Á đã thu của Vì Thị H 367 ngày (từ ngày 19/12/2020 đến ngày 20/12/2021) là 55.150.000 đồng, gấp 9,14 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Lãi suất đúng quy định là 6.032.877 đồng, lãi suất thu lợi bất chính là 49.117.123 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 177/GĐ-PC09 ngày 14/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 100 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng gửi giám định là **tiền thật**;

Tại Bản kết luận giám định số: 217/GĐ-PC09 ngày 20/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Lò Thị Á trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên Lò Thị Á trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là **do cùng một người ký, viết ra**.

Tại Bản kết luận giám định số: 276/GĐ-PC09 ngày 16/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Chữ viết phần nội dung trên "BẢN CAM KẾT VAY TIỀN" ký hiệu A1 với chữ viết đứng tên Lò Thị Q trên 02 "BẢN TỰ KHAI" ký hiệu M1,M2 **là do cùng một người viết ra**. Chữ ký, chữ viết đứng tên Vì Thị H dưới mục "Người vay" và chữ viết phần nội dung trên "Giấy trả tiền vay" ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên Vì Thị H trên 02 "BẢN TỰ KHAI" ký hiệu M3,M4 **là do cùng một người ký, viết ra**.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xử lý hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật; bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 bản cam kết vay tiền; 01 giấy trả tiền vay và số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKS-HS ngày 01/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò

Thị Á về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Thị Á từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ của bị cáo Á 2 ngày x 3 = 6 ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Giao bị cáo Á cho Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thanh An trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự.

* Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 số tiền gốc 30.000.000 đồng, trả cho anh Cà Văn Ph 15.000.000 đồng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền lãi 6.032.877 đồng. Tổng thu Ngân sách nhà nước là: 15.000.000 đồng + 6.032.877 đồng = 21.032.877 đồng.

* Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 468 Bộ luật Dân sự: Trả lại cho Vì Thị H số tiền 49.117.123 đồng, khấu trừ đi 25.650.000 đồng tiền gốc còn nợ của bị cáo, bị cáo còn phải trả cho chị Vì Thị Hoa số tiền là: 23.467.123 đồng. Trả lại cho anh Cà Văn Ph 15.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 bản cam kết vay tiền; 01 giấy trả tiền vay này được lưu giữ trong hồ sơ; số tiền 50.000.000 đồng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo miễn nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại luận cứ bào chữa cho bị cáo Lò Thị Á ngày 16/3/2022 bà Bùi Thúy An đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 BLHS xem xét đến nhân thân, nguyên nhân phạm tội quyết định mức hình phạt thấp nhất của Viện kiểm sát đề nghị để Á có cơ hội cải tạo sửa chữa lỗi lầm.

Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, hoàn cảnh rất khó khăn không có việc làm thu nhập không ổn định đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo

theo khoản 3 Điều 36 BLHS; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Á và căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án đề nghị HĐXX miễn án phí Hình sự sơ thẩm đối với Á.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không bổ sung lời bào chữa.

Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa Lò Thị Á khai nhận do có quan hệ quen biết với Vì Thị H nên khi H hỏi vay tiền Á đã đồng ý cho H vay số tiền 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000đồng/1triệu/1 ngày. H sẽ trả lãi cho Á vào ngày 20 hàng tháng, còn tiền gốc khi nào có sẽ trả. Tính đến ngày bị bắt 28/12/2021 H đã trả cho Á 3 lần tiền, cụ thể: Lần 01: Cách ngày vay khoảng 2 tháng H nhờ bà Lò Thị H1 (mẹ chồng chị Vì Thị H) mang đến trả cho Á 4.500.000 đồng tiền lãi; Lần 02: Vào ngày 11/12/2021 H trả Á 5.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 28/12/2021, Vì Thị H đến nhà Á trả 50.000.000 đồng (Bao gồm: 45.650.000 đồng tiền lãi và 4.350.000 đồng tiền gốc), tính đến ngày 28/12/2021 chị Vì Thị H còn nợ Á là 26.000.000 đồng, chị Vì Thị H hẹn đến ngày 20/01/2022 sẽ trả nốt số tiền trên. Sau khi trả tiền, chị Hoa và Á viết giấy biên nhận trả tiền, có sự chứng kiến của bà Lò Thị H. Trong các lần trên thì có lần thứ 2 khi H trả tiền, Á nhờ cháu Q (cháu ruột của Á) viết giấy “ Bản cam kết vay tiền”. Như vậy, thực tế lãi suất Lò Thị Á đã thu của Vì Thị H 367 ngày (từ ngày 19/12/2020 đến ngày 20/12/2021) là 55.150.000 đồng, gấp 9,14 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Lãi suất đúng quy định là 6.032.877 đồng, lãi suất thu lợi bất chính là 49.117.123 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và phù hợp với lời khai người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong, bản thống kê; bản cam kết vay tiền, giấy trả tiền vay, phù hợp với các Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra tiến hành thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 1 Điều 201/BLHS. Vì vậy, bản luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Lò Thị Á là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội huyện Điện Biên nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Vì vậy, việc truy tố, xét xử và áp dụng mức hình phạt thỏa đáng đối với bị cáo là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Lò Thị Á không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo hám lợi, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải mất sức lao động nên đã bất chấp pháp luật dẫn thân vào con đường phạm tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo không được đi học nên không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo” cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, đồng thời giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo với mức hình phạt từ **01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ** là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất của Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với đề nghị của người bào chữa về việc miễn khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Điện Biên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc

khuyến nghị về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 33, khoản 4 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình:

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và 6.032.877 đồng là tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự, cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên số tiền 30.000.000 đồng bị cáo dùng để làm phương tiện phạm tội là tài sản chung của bị cáo và anh Cà Văn Ph có trong thời kỳ hôn nhân nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 số tiền 30.000.000 đồng và trả lại 1/2 số tiền 30.000.000 đồng cho anh Cà Văn Ph (Trong đó thu của bị cáo 4.350.000 đồng, thu của Vì Thị H 25.650.000 đồng) bởi bị cáo cho chị Vì Thị H vay, anh Ph (chồng bị cáo) không biết. Vì vậy Hội đồng xét xử cần tịch thu của bị cáo Á số tiền: 15.000.000 đồng ($30.000.000 \text{ đồng} : 2 = 15.000.000 \text{ đồng}$) là phương tiện phạm tội và 6.032.877 đồng là tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự, để sung Ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền tịch thu của bị cáo sung ngân sách nhà nước là: 21.032.877 đồng.

- Buộc bị cáo phải trả cho chị Vì Thị H số tiền thu lợi bất chính là 49.117.123 đồng, khấu trừ đi số tiền 25.650.000 đồng tiền gốc mà Vì Thị H còn nợ của bị cáo, bị cáo còn phải trả cho chị Vì Thị H số tiền là: 23.467.123 đồng.

- Trả lại cho anh Cà Văn Ph 15.000.000 đồng.

- Đối với 01 bản cam kết vay tiền và 01 giấy trả tiền vay là vật chứng của vụ án cần được lưu giữ trong hồ sơ.

- Số tiền 50.000.000 đồng được giữ lại tại cơ quan Thi hành án dân sự để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự quy định: “Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hằng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án ...” và khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy cá nhân bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, thu nhập từ nghề làm ruộng thấp, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm nhưng do cá nhân bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Thị Á phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị Á **01 (Một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ**, khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ là: **02 ngày (từ ngày 28/12/2021 đến ngày 30/12/2021)**, quy đổi bằng **06 ngày cải tạo không giam giữ (01 ngày tạm giữ quy đổi bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ)**. Bị cáo còn phải thi hành: **01 (Một) năm 02 (Hai) tháng 24 (Hai mươi mưới bốn) ngày cải tạo không giam giữ**. Thời gian thi hành án kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lò Thị Á cho Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thanh An, trong việc giám sát, giáo dục. Trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ bị cáo Lò Thị Á phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

* Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 05/LCCT - VKSHĐB ngày 28/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với Lò Thị Á.

* Áp dụng khoản 3 Điều 36 và khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung và Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lò Thị Á.

3. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và việc xử lý vật chứng:

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 33, khoản 4 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình: Tịch thu của bị cáo số tiền **21.032.877 đồng** (Hai mươi một triệu, không trăm ba hai nghìn, tám trăm bảy bảy đồng) sung quỹ Nhà nước; Trong đó: 15.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và 6.032.877 đồng là tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 468 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho chị Vì Thị H số tiền thu lợi bất chính là **49.117.123 đồng** (Bốn mươi chín triệu, một trăm mười bảy nghìn, một trăm hai mươi ba đồng), khấu trừ đi số tiền 25.650.000 đồng tiền gốc mà chị Vì Thị H còn nợ của bị cáo; bị cáo còn phải trả cho chị H số tiền là: **23.467.123 đồng** (Hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu bảy nghìn, một trăm hai ba đồng).

- Trả lại cho anh **Cà Văn Phương** - Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Bản T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên số tiền: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) được giữ lại tại cơ quan Thi hành án dân sự để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với 01 bản cam kết vay tiền và 01 giấy trả tiền vay là vật chứng của vụ án cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được cơ quan Điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2022.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày chị Vì Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản phải bồi thường thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo Lò Thị Á có quyền kháng cáo bản án và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cà Văn Ph (có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của anh Ph) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/3/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vì Thị H có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của chị H trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát huyện DB;
- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- HSNV Công an huyện DB;
- CQĐT Công an huyện DB;
- Nhà tạm giữ Công an huyện DB;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã Thanh An, huyện DB;
- Chi cục Thi hành án DSHĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyền

